

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 459/2023/HC-PT
Ngày 23 - 6 - 2023
*V/v: Khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà;
Bà Hoàng Thị Bích Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 190/2023/TLPT-HC ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 150/2022/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5745/2023/QĐ-PT ngày 22/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Bà Vũ Thị N, sinh năm 1937, vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường MĐ 2, quận Nam TL, Thành phố Hà Nội.

* *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) quận Nam TL,
Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc N1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND quận Nam TL, vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chủ tịch UBND quận Nam TL;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc N1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND quận Nam TL, vắng mặt.

2. UBND phường MĐ 2, quận Nam TL;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hứa Đức M, chức vụ: Chủ tịch UBND phường MĐ 2, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, chi nhánh quận Nam TL;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Q, chức vụ: Giám đốc văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, chi nhánh Nam TL, có đơn xin xét xử vắng mặt;

4. Văn Phòng công chứng TL;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Q1, chức vụ: Trưởng Văn phòng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Bà Phùng Nguyệt K, sinh năm 1960, có mặt;

Địa chỉ: Nhà C2, khu tập thể VLSD, Học Viện NAQ, tổ dân phố 12, ngõ 133, đường Nguyễn PS, phường NT, quận CG, Thành phố Hà Nội.

6. Ông Phùng Công H, sinh năm 1962, có mặt;

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường MĐ 2, quận Nam TL, Thành phố Hà Nội.

7. Bà Lưu Thị L, sinh năm 1961, có mặt;

Địa chỉ: Nhà B9, khu tập thể cán bộ viên chức TL, ngõ 180, đường Hoàng QV, quận CG, Thành phố Hà Nội;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L: Ông Phan Tùng L1, Luật sư Công ty luật hợp danh NH, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội, có mặt.

8. Anh Phùng Hiếu T, sinh năm 1991, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ dân phố số 6, phường MĐ 2, quận Nam TL, Thành phố Hà Nội.

* *Người kháng cáo:* Bà Lưu Thị L, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/8/2006, UBND huyện TL (nay là quận Nam TL) ban hành Quyết định 2210/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất đợt 3 năm 2006 cho 46 trường hợp đang sử dụng đất tại xã MĐ, trong đó cấp GCNQSD đất số H1696 cho ông Phùng Công H, bà Lưu Thị L được sử dụng riêng 137m² đất thửa 45 tờ bản đồ 04 xã MĐ trên có nhà bê tông 2,5 tầng diện tích xây dựng 80m².

Ngày 26/6/2009, UBND huyện TL ban hành Quyết định 4305/QĐ-UBND thu hồi GCNQSD đất số H1696 do sai diện tích và hình thể thửa đất và cấp GCNQSD đất số AN211793 với diện tích 164,5m² cho ông H, bà L.

Ngày 29/01/2010, Chủ tịch UBND huyện TL (nay là quận Nam TL) có Quyết định 909/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Phùng Công H về việc sửa nghĩa vụ tài chính tại Quyết định 4305/QĐ-UBND ngày 26/6/2009 của UBND huyện TL.

Ngày 31/3/2016, Văn phòng công chứng TL công chứng Hợp đồng tặng cho 1 phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Phùng Công H và anh Phùng Hiếu T đối với tài sản tại GCNQSD đất số AN211793 do UBND huyện TL (nay là quận Nam TL) cấp ngày 26/6/2009 cho ông Phùng Công H, bà Lưu Thị L.

Ngày 14/4/2016, Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh quận Nam TL đăng ký biến động việc tặng cho trên tại trang 4 của GCNQSD đất số AN211793 do UBND huyện TL (nay là quận Nam TL) cấp ngày 26/6/2009 cho ông Phùng Công H, bà Lưu Thị L.

Tháng 6/2019, bà Vũ Thị N phát hiện ra thửa đất gò và ao tại XG, xã MĐ nay là phường MĐ 2 mà bà cùng bố chồng là cụ Phùng Văn N2 mua từ năm 1970 đã được UBND huyện TL (nay là quận Nam TL) cấp GCNQSD đất số H1696 cho vợ chồng con trai là ông Phùng Công H, bà Lưu Thị L theo Quyết định 2210/QĐ-UBND ngày 28/8/2006 của UBND huyện TL. Bà Vũ Thị N cho rằng UBND quận Nam TL đã cấp sai đối tượng vì bà mới là chủ sử dụng đất, bà chưa cho tặng vợ chồng ông H, bà L. Sổ mục kê thể hiện chủ sử dụng đất Phùng Văn H1 là không đúng vì con trai bà là Phùng Công H, hơn nữa ông H đi TK từ năm 1982 đến năm 1990 mới về nước. Toàn bộ tiền xây, sửa nhà trên đất như hiện nay đều bằng tiền do bà bán thửa đất ông cha để lại (giáp với thửa đất gò ao này). Nên bà khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSD đất đã cấp cho ông Phùng Công H, bà Lưu Thị L để bà làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đứng tên bà.

Người bị kiện là UBND quận Nam TL trình bày:

GCNQSD đất cấp cho ông Phùng Công H, bà Lưu Thị L là đúng với chủ sử dụng đất trong Sổ mục kê năm 1986 (thửa 577 tờ bản đồ 05) và Sổ mục kê năm 2000 (thửa 45 tờ bản đồ 04) là Phùng Văn H1 T1.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Phùng Nguyệt K trình bày:

Thửa đất mà UBND quận Nam TL cấp GCNQSD đất cho ông Phùng Công H và bà Lưu Thị L có nguồn gốc của ông cha để lại, nên ngày 16/6/2022 bà Phùng Nguyệt K có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án hủy GCNQSD đất cấp cho ông Phùng Công H, bà Lưu Thị L đối với thửa đất số 45 tờ bản đồ số 04 phường MĐ 2.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Văn phòng công chứng TL có ý kiến:

Thời điểm giao kết hợp đồng tặng cho, các bên đều đủ điều kiện và tự nguyện tham gia giao kết hợp đồng. Nay xảy ra khiếu kiện liên quan đến hợp đồng tặng cho giữa ông H và anh T, Văn phòng công chứng TL cung cấp toàn bộ hồ sơ công chứng số 789/2016/HĐTC ngày 31/3/2016 hiện đang lưu giữ tại Văn phòng để Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh quận Nam TL trình bày:

Ngày 14/4/2016 Văn phòng đã đăng ký sang tên cho ông Phùng Hiếu T và bà Lưu Thị L theo hồ sơ số 2543.TA.015 MDD2 đúng trình tự, thủ tục quy định

tại Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 2 Điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Ông Phùng Công H, anh Phùng Hiếu T trình bày:

Đồng ý với yêu cầu của bà Vũ Thị N về việc hủy GCNQSD đất nêu trên. Ông Phùng Công H cho rằng do không hiểu biết pháp luật nên ông đã kê khai vợ chồng ông là chủ sử dụng đất để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng của mẹ là bà Vũ Thị N.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lưu Thị L trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N, bà Phùng Nguyệt K vì những lý do sau: Thửa đất này ông nội chồng bà đã tặng cho chồng bà là ông Phùng Công H thể hiện tại các sổ mục kê chủ sử dụng đất là Phùng Văn H1 T1; ông H và bà đã mua thêm đất giáp ranh cho vuông đất và làm đường đi vào thửa đất; bà trực tiếp làm nhà tạm năm 1990, làm nhà 2,5 tầng năm 2001 và sửa nhà năm 2012; ông H là người trực tiếp kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời cũng là người chủ động tặng cho con phần quyền của mình. Hiện nay GCNQSD đất này do bà lưu giữ.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 150/2022/HC-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N và yêu cầu độc lập của bà Phùng Nguyệt K.

Hủy một phần Quyết định số 2210/QĐ-UB ngày 28/8/2006 của UBND huyện TL (nay là quận Nam TL) về việc cấp GCNQSD đất ở đợt III năm 2006 cho 46 trường hợp đang sử dụng đất tại xã MĐ (Phần quyết định cấp GCNQSD đất cho ông Phùng Công H và bà Lưu Thị L tại thứ tự số 10, phần 1 danh sách 46 trường hợp sử dụng đất tại xã MĐ).

Hủy toàn bộ Quyết định số 4305/QĐ-UBND ngày 26/6/2009 của UBND huyện TL (nay là quận Nam TL) về việc thu hồi đất và cấp GCNQSD đất tại xã MĐ.

Hủy GCNQSD đất số AN211793 do UBND huyện TL (nay là quận Nam TL) cấp ngày 26/6/2006 cho ông Phùng Công H và bà Lưu Thị L.

Hủy Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 29/01/2010 của Chủ tịch UBND huyện TL (nay là quận Nam TL) giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Phùng Công H.

Hủy việc đăng ký biến động đất đai ngày 14/4/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, chi nhánh quận Nam TL về việc sang tên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 04 tại thôn PM xã MĐ,

huyện TL (nay là quận Nam TL) từ ông Phùng Công H, bà Lưu Thị L sang anh Phùng Hiếu T.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/8/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lưu Thị L có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày như sau:

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội chưa đánh giá đúng nội dung và bản chất vụ án. Năm 1990 bà Lưu Thị L kết hôn với ông Phùng Công H đã được ông nội chồng bà L (ông H) giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trước mặt bà N, vợ chồng bà đã cải tạo, xây dựng các công trình trên thửa đất và đăng ký biến động đối với thửa đất; khi vợ chồng làm nhà chính bà N là người chỉ vị trí cho vợ chồng bà làm, đồng thời còn cho vợ chồng bà 120.000.000đ để làm nhà. Năm 2005 bà N đã bảo chồng bà đi làm sổ đỏ đứng tên chồng bà; sau khi được cấp GCNQSD đất do cấp sai nên chính ông H đã có đơn khiếu nại và đã được UBND huyện giải quyết khiếu nại, vợ chồng bà đã ở ổn định từ trước năm 1993 đến nay không có tranh chấp, nên việc UBND huyện TL cấp GCNQSD đất cho vợ chồng bà là đúng quy định của pháp luật, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên hủy GCNQSD đất và các quyết định hành chính có liên quan là không đúng; trong đó có Quyết định 2210/QĐ-UB ngày 28/8/2006 của UBND huyện TL đã bị Quyết định số 4305/QĐ-UBND ngày 26/6/2009 của UBND huyện TL thu hồi, nhưng Tòa án vẫn tuyên hủy là trái quy định, vượt quá thẩm quyền khởi kiện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo để hủy bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà Lưu Thị L phát biểu quan điểm:

Việc Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội thụ lý đơn khởi kiện của bà Vũ Thị N là không đúng thẩm quyền. Bởi vì, theo tài liệu thể hiện cụ Phùng Văn N2 chỉ có một con trai duy nhất là Bà Phùng Văn T1 đã hi sinh năm 1971; ông T1 chết trước cụ N2 nên theo quy định của pháp luật những người con của ông T1 được hưởng thừa kế thế vị, còn bà Vũ Thị N là vợ của ông Bà Phùng Văn T1 không được thừa kế, nhưng bà N lại đứng đơn khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSD đất là không có quyền khởi kiện.

Chính ông Phùng Công H là người kê khai đăng ký và được cấp GCNQSD đất mang tên vợ chồng ông, nhưng sau đó chính ông H lại giả chữ ký của mẹ mình là bà N để khởi kiện chính mình là có sự mâu thuẫn, việc này đã được bản án sơ thẩm nhận định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận việc ông Phùng Công H là người đại diện theo ủy quyền cho bà N là trái quy định, vì quyền lợi của bà N và ông H có mâu thuẫn.

Hơn nữa, năm 1986 thời điểm này do ông H đang đi lao động ở nước ngoài, nên ông nội là cụ N2 đã tự kê khai cho cháu nội là Phùng Công H. Do tuổi già không nhớ chính xác tên đệm của ông H nên đã kê khai theo tên đệm của cụ N2. Như vậy, đã thể hiện cụ N2 đã tặng cho ông H thửa đất này, nên việc UBND huyện TL cấp GCNQSD đất cho vợ chồng ông H là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phùng Công H trình bày: Việc ghi tên Phùng Văn H1 vào trong sổ địa chính là do cán bộ địa chính tự ghi, thời điểm này ông đang ở nước ngoài và chưa kết hôn với bà Lưu Thị L, nên không có việc ông nội là Phùng Văn N2 tặng cho vợ chồng ông thửa đất này, ông thừa nhận có việc ông kê khai, đăng ký để được cấp GCNQSD đất nhưng do hiểu biết pháp luật bị hạn chế nên không nhận thức được, nay ông hiểu được nên đề nghị Tòa án hủy GCNQSD đất đã cấp cho vợ chồng ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phùng Nguyên K trình bày: Việc cấp GCNQSD đất cho ông H bà L là không đúng, vì do bố bà chết nên phải cấp tên cho mẹ bà là Vũ Thị N, bà đồng ý hủy GCNQSD đất đã cấp cho vợ chồng ông H, bà L; đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà L.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của bà Lưu Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến Kiểm sát viên và đương sự về giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là GCNQSD đất số AN211793 ngày 26/6/2009 cấp cho ông Phùng Công H và bà Lưu Thị L. Đây là các quyết định hành chính cá biệt của UBND cấp huyện về lĩnh vực quản lý đất đai là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thẩm quyền giải quyết theo

trình tự sơ thẩm là của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Bà N cho rằng tháng 6/2019 bà mới biết được GCNQSD đất cấp cho ông Phùng Công H và bà Lưu Thị L đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 04 phường MĐ 2 thì ngày 18/11/2019 bà N có đơn khởi kiện là đang trong thời hạn 01 năm, nên đang còn thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án có căn cứ cho rằng chữ ký trong đơn khởi kiện không phải của người khởi kiện, nên bà N đã rút đơn khởi kiện và ngày 07/12/2021 Tòa án đã đình chỉ việc giải quyết vụ án. Ngày 17/12/2021 bà Vũ Thị N tiếp tục có đơn khởi kiện tuy đã quá thời hạn một năm, nhưng từ ngày 18/11/2019 đến ngày 07/12/2021 là thời gian Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án, nên được coi là do trở ngại khách quan không tính vào thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện đang còn và thụ lý, giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính. Mặc dù người khởi kiện chỉ yêu cầu xem xét hủy GCNQSD đất số AN211793 do UBND huyện TL cấp ngày 26/6/2006 cho ông Phùng Công H và bà Lưu Thị L, nhưng các Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 28/8/2006 của Chủ tịch UBND huyện TL (nay là quận Nam TL), Thành phố Hà Nội Về việc cấp GCNQSD đất cho 46 trường hợp tại xã MĐ, trong đó có GCNQSD đất số H1696 cho ông Phùng Công H và bà Lưu Thị L; Quyết định số 4305/QĐ-UBND ngày 26/6/2009 của UBND huyện TL thu hồi GCNQSD đất số H1696, cũng như Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 29/01/2010 của Chủ tịch UBND huyện TL về giải quyết khiếu nại của ông Phùng Công H là những quyết định hành chính có liên quan, nên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xem xét tính hợp pháp, tính có căn cứ của các quyết định này là đúng quy định tại Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận ông Phùng Công H là người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị N (được bà N ủy quyền trình bày tại phiên tòa) là không đúng quy định tại Điều 60 Luật Tổ tụng hành chính. Bởi vì, bà N đang khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSD đất số AN211793 được UBND huyện TL cấp cho ông Phùng Công H và bà Lưu Thị L, nên quyền, lợi ích hợp pháp của bà N và ông H là đối lập nhau. Tuy nhiên, ông H cũng chỉ thay mặt bà N trình bày tại phiên tòa, nhưng không được quyết định các vấn đề liên quan đến vụ án. Hơn nữa, ông H cũng đồng ý với quan điểm khởi kiện của bà N, nên việc đại diện này không làm ảnh hưởng đến bản chất vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự, nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm một số đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 158; khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án thì bà Phùng Nguyệt K là người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, nên Tòa án đã thụ lý đối với yêu cầu độc lập của bà K để xem xét là đúng quy định pháp luật.

** Về nội dung vụ án:*

[3] Xét kháng cáo của bà Lưu Thị L, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ thể hiện, nguồn gốc thửa đất được UBND huyện TL cấp GCNQSD đất cho ông H, bà L là của cụ Phùng Văn N2 mua của cụ Phùng Văn C từ năm 1970 có diện tích khoảng 7 thước (tương đương 168m²); theo bản đồ năm 1960 thì thuộc thửa số 77, tờ bản đồ số 12 nhưng trong sổ mục kê không có tên người sử dụng; bản đồ năm 1985 thuộc thửa đất ao số 577, tờ bản đồ số 05 diện tích 122m² đứng tên Phùng V.Hải T1; theo bản đồ năm 1994 thuộc thửa số 45, tờ bản đồ số 04 diện tích 139m² đất thổ cư (không có tên chủ sử dụng); theo bản đồ năm 1994 thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 04 diện tích 139m² đất thổ cư đứng tên ông Phùng Văn H1. Như vậy, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như các đương sự đều thừa nhận thửa đất nêu trên có nguồn gốc của cụ Phùng Văn N2, là bố của ông Bà Phùng Văn T1 (ông T1 sinh năm 1937 hi sinh năm 1971), ông T1 là chồng của bà N và bố của ông Phùng Công H và bà Phùng Nguyệt K. Về nguyên tắc thì những người được hưởng di sản thừa kế của cụ N2 và ông T1 là bà Vũ Thị N, bà Phùng Nguyệt K và ông Phùng Công H. bà Lưu Thị L cho rằng trước đây bà N đã tuyên bố cho vợ chồng bà toàn bộ diện tích đất này, nhưng căn cứ hồ sơ quản lý đất đai không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang cho vợ chồng ông H và bà L. Theo sổ mục kê lập năm 1985 - 1986 và năm 2000 thể hiện chủ sử dụng đất là Phùng V. Hải T1, nhưng thời điểm năm 1985 - 1986 ông Bà Phùng Văn T1 đã chết còn ông Phùng Công H đang sinh sống tại TK, bà Lưu Thị L chưa kết hôn với ông Phùng Công H, cụ Phùng Văn N2 vẫn còn sống và cùng với bà Vũ Thị N sinh sống trên thửa đất này, thời điểm năm 1994 cụ N2 chết, nên sổ mục kê không có tên chủ sử dụng đất, nhưng sau đó ông H tự kê khai, đăng ký và được cấp GCNQSD đất đối với thửa đất này là không đúng. Do không có việc chuyển nhượng, tặng cho đối với vợ chồng ông H, bà L nên trong quá trình sử dụng đất đã nhiều lần bà N cắt đất chuyển nhượng cho nhiều người, nhưng trong tất cả các hợp đồng chuyển nhượng chỉ thể hiện chủ sử dụng là bà N, ông H và bà K và chính những người này đã ký tên trong các hợp đồng chuyển nhượng mà không thể hiện bà L có quyền lợi gì. Do đó, không có căn cứ nào để khẳng định ông Phùng Công H và bà Lưu Thị L đã được nhận chuyển nhượng, hay được tặng cho quyền sử dụng đối với thửa đất nêu trên, nhưng ông H đã tự ý kê khai; chính quyền địa phương khi lập hồ sơ, xét duyệt đề cấp GCNQSD đất cho ông H, bà L đã không điều tra, xác minh làm rõ nguồn gốc sử dụng đất, nên đã cấp GCNQSD đất cho ông Phùng Công H và bà Lưu Thị L đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 04 tại xã MĐ, huyện TL là cấp không đúng đối tượng sử dụng đất, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà N, bà K và ông H.

[3.2] Bà Lưu Thị L cho rằng, trong thời gian sinh sống tại thửa đất này, vợ chồng bà đã mua thêm quyền sử dụng đất của một số hộ xung quanh, cũng như

vợ chồng bà bỏ tiền ra để xây dựng các công trình trên đất, nhưng ngoài lời khai của bà thì bà không cung cấp được chứng cứ gì đủ căn cứ để chứng minh, trong khi bà N là người đang sinh sống trên đất, hơn nữa đây là vụ án hành chính là xem xét tính hợp pháp, có căn cứ của các quyết định hành chính, nên những yêu cầu này của bà L là yêu cầu về dân sự không thuộc thẩm quyền giải quyết của vụ án hành chính, nên không có căn cứ xem xét.

[3.3] Xem xét tính hợp pháp, tính có căn cứ của các quyết định hành chính có liên quan: Như đã phân tích ở trên thì việc UBND huyện TL cấp GCNQSD đất cho ông Phùng Công H và bà Lưu Thị L là không đúng đối tượng; các GCNQSD đất được cấp theo các quyết định hành chính là Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 28/9/2006; Quyết định số 4305/QĐ-UBND ngày 26/6/2009, nên các quyết định hành chính này là vi phạm pháp luật, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên hủy là có căn cứ.

[3.4] Đối với Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 29/01/2010 của Chủ tịch UBND huyện TL về giải quyết khiếu nại của bà L, thấy: Sau khi ban hành Quyết định số 4305/QĐ-UBND ngày 26/6/2009 về việc thu hồi, cấp lại GCNQSD đất cho ông H, bà L; không đồng ý với quyết định này nên bà L đã khiếu nại và đã được Chủ tịch UBND huyện TL ban hành Quyết định số 909/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của bà L. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên thì Quyết định số 4305 vi phạm pháp luật nên đã bị hủy bỏ, nên quyết định số 909 cũng cần phải hủy bỏ.

[3.5] Đối với việc đăng ký kiến động vào ngày 14/4/2016 tại tranh 4 GCNQSD đất số AN211793 nội dung ông H, bà L tặng cho con trai là Phùng Hiếu T quyền sử dụng đối với thửa đất này, nhưng như đã phân tích ở trên do việc cấp GCNQSD đất cho ông H, bà L không đúng đối tượng, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên hủy GCNQSD đất này, trong đó bao gồm cả nội dung đăng ký biến động tại trang 4 của GCNQSD đất.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N và yêu cầu độc lập của bà Phùng Nguyệt K để hủy các quyết định hành chính và GCNQSD đất là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm tuy có sai sót, nhưng cơ bản đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, đã xem xét đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Lưu Thị L; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng bà L là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí nên miễn án phí phúc thẩm cho bà L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lưu Thị L; giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 150/2022/HC-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Lưu Thị L.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Cục THADS Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án, phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm